

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/01/2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Trúc Đào**

Các hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Đỗ Thị Mỹ Hạnh**

2- Ông **Đình Khắc Quỳnh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Du** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 732/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị Ngọc T**, sinh năm 1983 (Có mặt); địa chỉ: Số 19 An Dương Vương, ấp L, xã L, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn H**, sinh năm 1977 (Có mặt); địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 304/57 khu phố X, phường A, quận X, thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ nơi cư trú: Số 19 A, ấp L, xã L, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc T trình bày:

Chị T và anh H chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận X, thành phố Hồ Chí Minh, hôn nhân tự nguyện. Anh

chị chung sống không hạnh phúc do anh H ham mê cờ bạc, sống ỷ lại và ít đi làm chăm lo gia đình, vợ chồng chung sống nhiều năm nhưng không phát triển kinh tế, tài sản dần bán hết chỉ còn căn nhà đang cư trú, càng ngày vợ chồng càng không còn tiếng nói chung, mâu thuẫn không thể khắc phục. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, 06 tháng sống ly thân không thể hàn gắn nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 02 người tên Nguyễn Trần Thanh D, sinh ngày 03.03.2005 và Nguyễn Trần Duy L, sinh ngày 22.8.2009 hiện đang sống với anh chị, sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 19.11.2019 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:*

Anh H thống nhất vợ chồng chung sống với nhau từ năm 2004, có đăng ký kết hôn. Theo anh H, quá trình vợ chồng chung sống bình thường, không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ mấy tháng gần đây vợ chồng không có tiếng nói chung do vấn đề tiền bạc. Anh H muốn vợ chồng hàn gắn nhưng chị T không cho cơ hội, nay anh không đồng ý ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Thống nhất có 02 người con chung như chị T trình bày nhưng nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Anh H yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi nhà đất tọa lạc tại số 19 ấp L, xã L, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh

Về nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục sống chung nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T. Về con chung: đề nghị giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi

con, tài sản chung và nợ chung không đặt ra giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Chị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Nguyễn Tấn H có hộ khẩu thường trú tại quận X, thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên hiện nay anh H đang cư trú ổn định tại địa chỉ 19 ấp L, xã L, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] *Xét yêu cầu chia tài sản chung của anh H thấy rằng:* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 19.11.2019 anh H xác định có yêu cầu chia đôi căn nhà tọa lạc tại số 19, ấp L, xã L, huyện Hòa Thành, Tòa án đã có ấn định cho anh H trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 19.11.2019 phải nộp cho Tòa án đơn yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, tuy nhiên anh H không thực hiện, tại các buổi họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh H vắng mặt, căn cứ quy định tại Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 3 Điều 200, khoản 2 Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không xem xét yêu cầu chia tài sản chung của anh H trong vụ án này.

[2] **Về hôn nhân:** Chị T và anh H chung sống với nhau từ năm 2004, có thực hiện việc đăng ký kết hôn, do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị T yêu cầu xin ly hôn do không hạnh phúc trong hôn nhân, anh H không chăm lo phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng từ lâu không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau hơn 06 tháng nay. Mặt khác, vào 20.5.2019 chị T từng nộp hồ sơ xin ly hôn nhưng đã rút lại đơn khởi kiện và Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 229/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21.8.2019, đến nay chị T tiếp tục có đơn xin ly hôn với anh H, qua đó thể hiện anh chị từng có khoảng thời gian để tự hàn gắn nhưng không thành. Anh H không đồng ý ly hôn, nhưng anh H lại thống nhất vợ chồng có nhiều mâu thuẫn về tiền bạc, vợ chồng từ lâu không còn tiếng nói chung, anh cũng không có phương án hàn gắn. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, cho nên yêu cầu được ly hôn chị T là có căn cứ chấp nhận.

[3] **Về con chung:** Chị T và anh H đều có yêu cầu được tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trần Thanh D, sinh ngày 03.03.2005 và Nguyễn Trần Duy L, sinh ngày 22.8.2009. Quá trình xem xét nguyện vọng của các cháu tại các biên bản lấy lời khai ngày 24.10.2019 thể hiện các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, để ổn định tâm lý của các con chung sau khi cha mẹ ly hôn, giao cả hai con chung cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp, yêu cầu về việc nuôi con của chị T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị T tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] **Về tài sản chung:** Chị T không yêu cầu, riêng anh H có yêu cầu giải quyết nhưng không thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật nên không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] **Về nợ chung:** Chị T, anh H không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[6] **Về án phí:** Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[7] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành về việc giải quyết vụ án phù hợp với những nhận định nêu trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc T.

Chị Trần Thị Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thanh D, sinh ngày 03.03.2005 và Nguyễn Trần Duy L, sinh ngày 22.8.2009 cho chị Trần Thị Ngọc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013971 ngày 24 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị T đã nộp xong án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T, anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Hòa Thành;
- Chi cục THADS huyện Hòa Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

Lê Thị Trúc Đào